

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 153/2009/TT-BTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2009

THÔNG TƯ**hướng dẫn quản lý tài chính đảm bảo cung ứng dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 65/2008/QĐ-TTg ngày 22/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ**

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;

Căn cứ Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11/3/2005 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Quyết định số 256/2006/QĐ-TTg ngày 09/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Quyết định số 65/2008/QĐ-TTg ngày 22/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích;

Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính đảm bảo cung ứng dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 65/2008/QĐ-TTg ngày 22/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

Điều 1. Quy định chung:

1. Nhà nước khoán trợ cấp hàng năm cho Tổng công ty Bưu chính Việt Nam (gọi tắt là Bưu chính Việt Nam) duy trì hoạt động của mạng bưu chính công cộng để cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.

Danh mục dịch vụ bưu chính công ích được quy định tại Điều 1 và khoản 1 Điều 2 Quyết định số 65/2008/QĐ-TTg ngày 22/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và Điều 1, Điều 2 Thông tư số 17/2009/TT-BTTTT ngày 27/5/2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định chi tiết thi hành Quyết định số 65/2008/QĐ-TTg ngày 22/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.

2. Phương thức cung ứng dịch vụ bưu chính công ích: Nhà nước đặt hàng Bưu chính Việt Nam cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.

3. Cơ chế khoán mức trợ cấp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích cho Bưu chính Việt Nam được thực hiện trong giai đoạn từ ngày 01/01/2008 đến chậm nhất là ngày 31/12/2013. Sau đó, Bưu chính Việt Nam tự bù đắp chi phí duy trì hoạt động của mạng bưu chính công cộng.

Mức khoán trợ cấp hàng năm cho Bưu chính Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định sau khi có ý kiến thỏa thuận bằng văn bản của Bộ Tài chính.

Mức trợ cấp thực hiện theo nguyên tắc giảm dần hàng năm và được xác định theo quy định tại Thông tư số 17/2009/TT-BTTTT ngày 27/5/2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Nguồn kinh phí trợ cấp cho Bưu chính Việt Nam:

- Giai đoạn từ năm 2008 đến hết năm 2010: Nhà nước trích một phần lợi nhuận sau thuế (tối đa 20% lợi nhuận sau thuế) được chia theo vốn nhà nước đầu tư tại Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam để trợ cấp cho Bưu chính Việt Nam. Trường hợp mức trợ cấp cho Bưu chính Việt Nam vượt quá tỷ lệ nêu trên, Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng

Chính phủ xem xét, quyết định việc bổ sung nguồn kinh phí.

- Giai đoạn từ năm 2011 đến hết năm 2013: Nhà nước trợ cấp cho Bưu chính Việt Nam từ ngân sách nhà nước.

5. Nguyên tắc quản lý: Bưu chính Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng kinh phí nhà nước trợ cấp đúng mục đích, hiệu quả nhằm duy trì hoạt động của mạng bưu chính công cộng để cung ứng dịch vụ bưu chính công ích theo hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ bưu chính công ích giữa Bộ Thông tin và Truyền thông và Bưu chính Việt Nam và theo quy định của pháp luật.

Bưu chính Việt Nam có quyền tận dụng vốn, tài sản và các nguồn lực nhà nước giao để tổ chức hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo chậm nhất là hết năm 2013 có thể tự bù đắp chi phí duy trì hoạt động của mạng bưu chính công cộng, nhưng không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ công ích được Nhà nước giao.

Điều 2. Lập kế hoạch và đặt hàng cung ứng dịch vụ:

1. Lập kế hoạch cung ứng dịch vụ hàng năm:

Bưu chính Việt Nam có trách nhiệm lập kế hoạch cung ứng dịch vụ Bưu chính công ích và kế hoạch tài chính hàng năm theo quy định tại Thông tư số 17/2009/TT-BTTTT ngày 27/5/2009 của

Bộ Thông tin và Truyền thông. Riêng đối với kế hoạch trợ cấp kinh phí hỗ trợ tài chính cung ứng dịch vụ công ích thực hiện theo 2 giai đoạn, cụ thể như sau:

- Trong giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2010: căn cứ kế hoạch lợi nhuận hàng năm Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam xây dựng kế hoạch điều chuyển lợi nhuận sau thuế được chia theo vốn nhà nước đầu tư để trợ cấp cho Bưu chính Việt Nam, báo cáo Bộ Tài chính và Bộ Thông tin và Truyền thông trước ngày 20 tháng 7 năm trước.

Trường hợp mức trợ cấp vượt quá 20% số lợi nhuận sau thuế được chia theo vốn nhà nước đầu tư tại Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (không bao gồm lợi nhuận được chia theo vốn nhà nước đầu tư cho Bưu chính Việt Nam), Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và Bưu chính Việt Nam có trách nhiệm báo cáo với Bộ Thông tin và Truyền thông. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc bổ sung nguồn kinh phí trước ngày 30 tháng 7 năm trước.

- Trong giai đoạn từ năm 2011 đến hết năm 2013: Bưu chính Việt Nam có trách nhiệm lập kế hoạch kinh phí trợ cấp hàng năm gửi Bộ Thông tin và Truyền thông. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm thẩm tra và gửi Bộ Tài chính

trước ngày 30 tháng 7 năm trước. Sau khi có thỏa thuận của Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp vào dự toán chi ngân sách của Bộ.

Bộ Tài chính bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước, trình cấp có thẩm quyền quyết định và thông báo cho Bộ Thông tin và Truyền thông mức kinh phí trợ cấp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích hàng năm. Trên cơ sở đó Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt kế hoạch và ký hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ bưu chính công ích hàng năm với Bưu chính Việt Nam.

2. Đặt hàng cung ứng dịch vụ:

Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện ký Hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ bưu chính công ích với Bưu chính Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 17/2009/TT-BTTTT ngày 27/5/2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông trước ngày 31 tháng 12 năm trước.

3. Nội dung hợp đồng đặt hàng: gồm các nội dung chính sau đây:

3.1. Nội dung về dịch vụ:

- a) Tên dịch vụ công ích;
- b) Sản lượng dịch vụ;
- c) Chất lượng dịch vụ;
- d) Thời gian hoàn thành;
- đ) Giá trị hợp đồng;
- e) Phương thức nghiệm thu, thanh toán;

g) Trách nhiệm, nghĩa vụ giữa cơ quan đặt hàng và doanh nghiệp được đặt hàng;

h) Trách nhiệm của các bên khi vi phạm hợp đồng.

3.2. Nội dung về tài chính:

a) Doanh thu từ cung ứng trực tiếp dịch vụ, trong đó nêu rõ khoản trợ cấp đề xuất nhà nước khoán hỗ trợ;

b) Chi phí phân bổ cho dịch vụ công ích;

c) Lợi nhuận, trong đó có kế hoạch trích các quỹ của doanh nghiệp

Điều 3. Công tác hạch toán, thanh toán, quyết toán cung ứng dịch vụ công ích:

1. Cấp phát, thanh toán kinh phí trợ cấp cho Bưu chính Việt Nam để cung ứng dịch vụ bưu chính công ích:

1.1. Việc cấp phát, thanh toán cho Bưu chính Việt Nam được thực hiện theo quý, với mức bằng 30% kinh phí trợ cấp đã được phê duyệt. Thời hạn thanh toán trước ngày 15 của tháng cuối quý. Riêng số tiền thanh toán lần cuối (10% kinh phí trợ cấp) sẽ được thực hiện sau khi Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt quyết toán cung ứng dịch vụ công ích năm.

Trường hợp số đã tạm cấp (90%) vượt số được cấp theo quyết toán thì trừ vào số được cấp hỗ trợ năm sau hoặc hoàn trả Tập đoàn Bưu chính Viễn thông

Việt Nam hoặc nộp vào ngân sách nhà nước (trường hợp năm sau không tiếp tục hỗ trợ).

1.2. Việc cấp phát, thanh toán cho Bưu chính Việt Nam cụ thể như sau:

a) Trong giai đoạn từ năm 2008 đến năm 2010:

Hàng quý, căn cứ thông báo của Bộ Thông tin và Truyền thông, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam có trách nhiệm chuyển kinh phí hỗ trợ cho Bưu chính Việt Nam theo quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

Riêng năm 2008, trên cơ sở nguyên tắc xác định mức trợ cấp nêu tại Thông tư số 17/2009/TT-BTTTT ngày 27/5/2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông và quy định tại Thông tư này, Bộ Thông tin và Truyền thông thẩm tra và quyết định mức khoán trợ cấp chính thức của năm 2008 cho Bưu chính Việt Nam sau khi có ý kiến thỏa thuận của Bộ Tài chính. Trên cơ sở mức trợ cấp chính thức đã được phê duyệt, trong 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Thông tin và Truyền thông, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam có trách nhiệm chuyển số tiền còn lại (chênh lệch giữa mức trợ cấp chính thức và số tiền đã tạm ứng) cho Bưu chính Việt Nam;

b) Trong giai đoạn từ năm 2011 đến hết năm 2013:

Bộ Thông tin và Truyền thông rút dự toán tại Kho bạc nhà nước để cấp phát, thanh toán hợp đồng đặt hàng với Bưu chính Việt Nam trên cơ sở mức kinh phí trợ cấp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, báo cáo tiến độ thực hiện Hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ và đề nghị của Bưu chính Việt Nam. Việc cấp phát, thanh toán cho Bưu chính Việt Nam được thực hiện theo quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

Trường hợp kinh phí trợ cấp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích của năm 2011, năm 2012 và năm 2013 chưa chi hết trong năm, chờ quyết toán thì được chuyển tiếp sang năm sau và được thanh toán, quyết toán sau khi nghiệm thu hợp đồng theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Thông tư này.

2. Tháng 4 hàng năm, căn cứ hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích và biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện, Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện thanh toán, quyết toán đối với dịch vụ bưu chính công ích năm trước cho Bưu chính Việt Nam.

3. Hồ sơ cấp phát, thanh toán và quyết toán:

- Hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích;
- Biên bản nghiệm thu sản lượng, chất lượng dịch vụ hoàn thành giữa Bộ Thông

tin và Truyền thông với Bưu chính Việt Nam; Trường hợp thanh toán cấp phát quý thực hiện trên cơ sở báo cáo tiến độ thực hiện Hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ;

- Quyết định mức khoán trợ cấp của Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Đề nghị thanh toán của Bưu chính Việt Nam;
- Các tài liệu khác có liên quan.

4. Trong trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ công ích được giao, mức thanh toán được xác định theo mức giảm trừ quy định tại hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm quản lý, sử dụng đúng mục đích và quyết toán ngân sách theo quy định.

5. Hạch toán kế toán:

Bưu chính Việt Nam hạch toán khoản kinh phí nhà nước khoán trợ cấp cung ứng dịch vụ công ích vào doanh thu theo quy định hiện hành. Việc hạch toán được thực hiện tập trung tại Tổng công ty Bưu chính Việt Nam.

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam căn cứ mức khoán kinh phí trợ cấp cho Bưu chính Việt Nam đã được phê duyệt và thông báo chuyển tiền của Bộ Thông tin và Truyền thông hạch toán giảm lợi nhuận sau thuế được chia theo

vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp theo mức tương ứng.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ngoài những quy định nêu tại Thông tư này, Bưu chính Việt Nam có trách nhiệm thực hiện theo các quy định khác của pháp luật về quản lý tài chính đối với công ty nhà nước.

2. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị Bưu chính Việt Nam và các đơn vị có liên quan tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà